

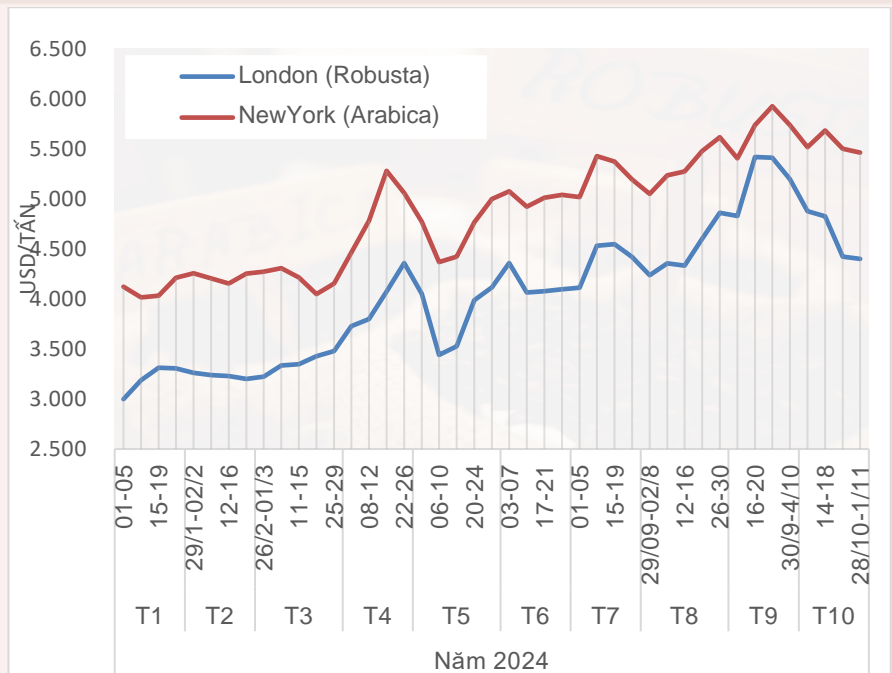
NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ



ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 11/2025 tại thị trường London đạt mức bình quân 4.400 USD/tấn, giảm 0,5% so với tuần trước.
- ❖ Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 12/2024 tại thị trường New York đạt mức bình quân 5.463 USD/tấn, giảm 0,7% so với tuần trước.
- ❖ Theo Viện cà phê quốc gia Costa Rica (ICAFFE), niên vụ 2023/2024 xuất khẩu cà phê của Costa Rica đạt 1,03 triệu bao.
- ❖ Theo Chính phủ Indonesia, xuất khẩu cà phê của đảo Sumatra 6 tháng niên vụ 2024/2025 đạt 1,27 triệu bao.
- ❖ Chuỗi cà phê lớn nhất Trung Quốc lên kế hoạch cạnh tranh với Starbucks tại Hoa Kỳ.
- ❖ Nepal có tiềm năng lớn để phát triển ngành cà phê đặc sản nhờ vào điều kiện tự nhiên thuận lợi.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

Trong tuần từ ngày 28/10 đến 01/11/2024, giá cà phê thế giới tiếp tục giảm tại hai sàn giao dịch London và New York. Cụ thể, giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 1/2025 tại thị trường London đạt 4.400 USD/tấn, giảm 0,5% so với tuần trước và tăng 66,4% so với cùng kỳ năm 2023. Giá cao nhất trong tuần đạt 4.502 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 4.279 USD/tấn. [1]

Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 12/2024 bình quân đạt 5.463 USD/tấn, giảm 0,7% so với mức giá tuần trước, và tăng 47,7% so với cùng kỳ năm 2023. Giá cao nhất trong tuần đạt 5.563 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 5.356 USD/tấn. [1]

MỘT SỐ SỰ KIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ QUỐC TẾ

Tình hình xuất khẩu cà phê Costa Rica niên vụ 2023/2024.

Theo Viện cà phê quốc gia Costa Rica (ICAFE), niên vụ 2023/2024 (từ tháng 10/2023 đến tháng 9 năm 2024), xuất khẩu cà phê của Costa Rica đạt 1,03 triệu bao, tăng 1,6% so với niên vụ 2022/2023. [2]

ICEFE dự báo, sản lượng cà phê xuất khẩu của Costa Rica đạt 1,31 triệu bao trong niên vụ 2024/2025 (từ tháng 10/2024 đến tháng 9/2025), tăng 6% so với niên vụ 2023/2024.[2]

Indonesia

Chính phủ Indonesia cho biết xuất khẩu cà phê của đảo Sumatra, nơi sản xuất cà phê hàng đầu của Indonesia, tăng 159,92 nghìn bao trong tháng 9/2024, tương đương 76,36% so với cùng kỳ năm trước, đạt 369,3 nghìn bao, tính chung 6 tháng niên vụ 2024/2025 (4/2024 đến tháng 3/2025) đạt 1,27 triệu bao, tăng 14,28 % so với cùng kỳ năm trước.[3]

Niên vụ 2024/2025, sản lượng cà phê của Sumatra ước đạt 11,15 triệu bao, trong đó sản lượng cà phê Robusta chiếm 85%, sản lượng cà phê Arabica chiếm 15%.[3]

Chuỗi cà phê lớn nhất Trung Quốc lên kế hoạch cạnh tranh với Starbucks tại Hoa Kỳ.

Luckin Coffee, chuỗi cửa hàng cà phê lớn nhất Trung Quốc, đang có kế hoạch tiến vào thị trường Hoa Kỳ và cạnh tranh với các đối thủ như Starbucks với việc chào bán các sản phẩm có giá hấp dẫn. Luckin dự kiến sẽ nhắm vào các thành phố có đông sinh viên và du khách Trung Quốc, như New York. Chuỗi cà phê này dự kiến sẽ cạnh tranh với các đối thủ tại Hoa Kỳ bằng cách bán đồ uống có giá khoảng 2 đến 3 USD. Luckin Coffee đang chuẩn bị cho việc ra mắt tại Hoa Kỳ sớm nhất vào năm tới, đồng thời xây dựng chuỗi cung ứng và tùy chỉnh công nghệ cho thị trường này.

Luckin Coffee là chuỗi cửa hàng cà phê lớn nhất Trung Quốc với doanh thu trung bình hàng năm đạt 24,9 tỷ NDT (3,5 tỷ USD), lần đầu tiên vượt qua doanh thu của Starbucks tại Trung Quốc vào năm 2023. Tính hết tháng 7/2024, Luckin Coffee đã có 20.000 cửa hàng tại Trung Quốc, với doanh thu của trong Quý II/2024 đạt 8,4 tỷ NDT (1,15 tỷ

USD), lợi nhuận ròng đạt 871 triệu NDT (119,33 triệu USD) [4]

Nepal

Nepal đang được đánh giá là có tiềm năng lớn để phát triển ngành cà phê đặc sản nhờ vào điều kiện tự nhiên thuận lợi. Tuy nhiên, ngành cà phê của Nepal vẫn gặp nhiều thách thức, bao gồm hạ tầng yếu kém, thiếu đầu tư, và hạn chế trong kỹ thuật canh tác.

Sản xuất cà phê thương mại tại Nepal chỉ mới bắt đầu từ những năm 1990, dẫn đến việc người sản xuất còn thiếu kiến thức về canh tác. Theo Ghimire, mỗi năm sản lượng cà phê bình quân đạt 3 tấn, trong đó 80% là cà phê đặc sản, nhưng xuất khẩu vẫn còn hạn chế.

Tuy nhiên, Nepal vẫn gặp khó khăn về hạ tầng kém, sâu bệnh. Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu có thể ảnh hưởng đến 72% diện tích trồng cà phê vào năm 2050.

Hiện nay, các chương trình hỗ trợ của Trung tâm Thương mại Quốc tế và sự hỗ trợ tài chính từ EU đang hỗ trợ nông dân địa phương trồng cà phê, cải thiện kinh tế và đời sống. Người trồng cà phê hy vọng rằng sự hỗ trợ quốc tế và các sáng kiến phát triển bền vững sẽ là động lực chính giúp ngành cà phê Nepal phát triển trong tương lai. [5]

Nguồn tham khảo:

[1]: <https://www.investing.com>

[2]: [I. & M. Smith \(Pty\) Ltd](#)

[3]: [I. & M. Smith \(Pty\) Ltd](#)

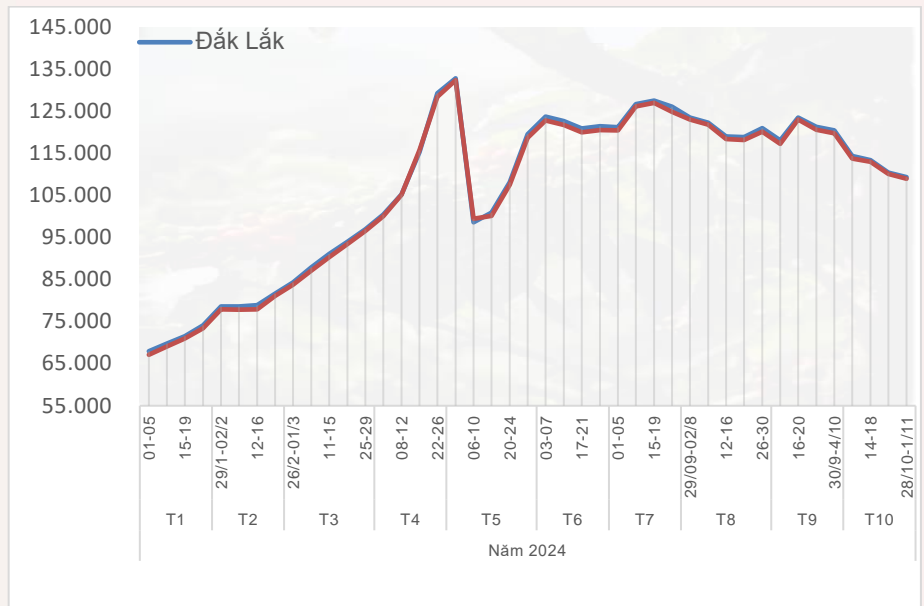
[4]: vietnambiz.vn

[5]: worldcoffeeportal.com

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê trung bình tại Tây Nguyên giảm so với tuần trước.
- ❖ Xuất khẩu cà phê đạt 1,2 triệu tấn trong 10 tháng năm 2024, thu về 4,6 tỷ USD.
- ❖ Trong niên vụ 2023/2024, xuất khẩu cà phê decaf đạt 37 nghìn tấn, trị giá 172 triệu USD, và nằm trong nhóm 3 loại cà phê nhân xuất khẩu chủ lực của Việt Nam.
- ❖ Quảng Trị xây dựng mô hình hành lang cây xanh để phân định ranh giới sản xuất của người dân với đất rừng tự nhiên.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV AgroInfo

DIỄN BIẾN GIÁ TRUNG BÌNH TẠI MỘT SỐ TỈNH

Trong tuần 28/10 đến 01/11/2024, giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên giảm so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 109.333 VNĐ/kg, giảm 0,97% so với tuần trước, và tăng 86,53% so với cùng kỳ năm 2023. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 109.933 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 108.133 VNĐ/kg. [1]

Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 108.940 VNĐ/kg, giảm 1,07% so với tuần trước, và tăng 88,35% so với cùng kỳ năm trước. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 109.933 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 108.133 VNĐ/kg. [1]

MỘT SỐ SỰ KIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRONG NƯỚC

Tình hình xuất khẩu cà phê 20 tháng năm 2024.

Trong 10 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt 1,2 triệu tấn, thu về 4,6 tỷ USD. Tuy khối lượng cà phê xuất khẩu giảm 10,8% so với cùng kỳ năm ngoái, nhưng giá trị lại tăng mạnh, tăng hơn 40%.

Giá trị xuất khẩu cà phê tăng do giá cà phê xuất khẩu tăng mạnh. Giá cà phê xuất khẩu bình quân 10 tháng năm 2024 đạt 3.981 USD/tấn, tăng 57% so với cùng kỳ năm trước. Ông Đỗ Hà Nam, Phó Chủ tịch Hiệp hội Cà phê - Ca cao Việt Nam, cho biết năm 2024 đánh dấu sự

đặc biệt khi giá cà phê Việt Nam trở thành cao nhất thế giới, với giá cà phê Robusta (loại cà phê Việt Nam có sản lượng lớn nhất thế giới) cao hơn cả Arabica. [2]

Đức, Italy và Tây Ban Nha là ba thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam trong 9 tháng năm 2024, với sự tăng trưởng rõ rệt ở các thị trường khác như Philippines và Malaysia có cùng mức tăng gấp 2,2 lần so với năm 2023. Nhờ đó, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này lập kỷ lục lịch sử dù còn hai tháng nữa mới kết thúc năm.[2]

Tình hình xuất khẩu cà phê nhân khử cafein của Việt Nam

Theo Hiệp hội Cà phê Ca cao Việt Nam (VICOFCA), cà phê nhân khử cafein (cà phê decaf) hiện đã nằm trong nhóm 3 loại cà phê nhân xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Trong niên vụ 2023/2024, xuất khẩu cà phê decaf đạt 37 nghìn tấn, trị giá 172 triệu USD. Với kim ngạch xuất khẩu này, cà phê decaf đứng thứ 3 trong nhóm cà phê nhân sau cà phê nhân Robusta (1,2 triệu tấn, trị giá 4 tỷ USD) và cà phê nhân Arabica (53 nghìn tấn, trị giá 212 triệu USD).[3]

Trong nhóm cà phê nhân xuất khẩu niên vụ 2023 - 2024, giá xuất khẩu cà phê decaf là cao nhất với mức bình quân 4.695 USD/tấn, cao hơn khá nhiều so với cà phê nhân Arabica (bình quân 4.004 USD/tấn) và cà phê nhân Robusta (3.298 USD/tấn). Còn tính chung tất cả các loại cà phê xuất khẩu, giá cà phê decaf đứng thứ 2 sau cà phê chế biến (7.616 USD/tấn).[3]

Thị trường cà phê decaf toàn cầu đang có xu hướng tăng trưởng khi số người tiêu dùng nhạy cảm với caffein ngày càng tăng lên. Đồng thời, nhận thức về lợi ích đối với sức khỏe của cà phê không chứa cafein, các sản phẩm kiểm soát cafein, đang dần trở nên phổ biến hơn. Đây là những điều kiện thuận lợi để thị trường cà phê decaf phát triển trên toàn cầu.[3]

Theo tạp chí Market Research Future, quy mô thị trường cà phê decaf toàn cầu năm 2023 đã lên tới 20 tỷ USD. Dự báo trong giai đoạn 2023 - 2030, tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR - Compound Annual Growth Rate) của thị trường cà phê decaf là 4 - 4,5%, qua đó đưa quy mô thị trường lên hơn 26 tỷ USD vào năm 2030.[3]

Quảng Trị

Thực hiện dự án sản xuất cà phê sinh thái và cải thiện rừng tự nhiên (PFFP), năm 2024 Trung tâm Khuyến nông Quảng Trị hỗ trợ các hộ dân xây dựng mô hình hành lang cây xanh để phân định ranh giới sản xuất của người dân với đất rừng tự nhiên.[4]

Mô hình triển khai tại khoảnh 4, 5 thuộc Tiểu khu 651, thôn Chênh Vành, xã Hướng Phùng (huyện Hướng Hóa) trên diện tích gần 0,8ha. Chiều dài đường hành lang 517m, chiều rộng 15m. Trung tâm Khuyến nông Quảng Trị đã phối hợp cùng Hạt Kiểm lâm huyện Hướng Hóa, UBND xã Hướng Phùng và dự án PFFP trong suốt quá trình triển khai mô hình. Trung tâm đã thực hiện tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc, áp dụng phương thức xử lý thực bì bằng thủ công, phát dọn toàn diện trước khi làm đất từ 10 - 15 ngày bằng các biện pháp phát, gốc phát dưới 10cm, dọn thủ công để trồng cây, không đốt thực bì sau khi xử lý.[4]

Việc thực hiện dự án thí điểm mô hình đường hành lang cây xanh sẽ phân định ranh giới giữa khu vực sản xuất của người dân với rừng tự nhiên, qua đây sẽ hỗ trợ phân lập vùng sản xuất và có các hoạt động tạo sinh kế, nâng cao năng lực sản xuất, canh tác, góp phần giúp người dân các huyện miền núi nâng cao đời sống kinh tế, giảm thiểu tác động tiêu cực đến rừng tự nhiên.[4]

Nguồn tham khảo:

- [1]: Cộng tác viên tại Tây Nguyên
- [2]: [Báo Công Thương](#)
- [3]: [Báo Nông Nghiệp](#)
- [4]: [Báo Nông Nghiệp](#)

GIÁ CÀ PHÊ NHÂN XÔ

Đơn vị: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	109.400	109.500	109.000	109.000	107.800	108.940	-1.180
Di Linh	109.400	109.500	109.000	109.000	107.800	108.940	-1.180
Lâm Hà	109.400	109.500	109.000	109.000	107.800	108.940	-1.180
Bảo Lộc	109.400	109.500	109.000	109.000	107.800	108.940	-1.180
ĐẮK LẮK	109.733	109.933	109.433	109.433	108.133	109.333	-1.073
Cư M'gar	109.800	110.000	109.500	109.500	108.200	109.400	-1.060
Ea H'leo	109.700	109.900	109.400	109.400	108.100	109.300	-1.060
Buôn Hồ	109.700	109.900	109.400	109.400	108.100	109.300	-1.100
ĐẮK NÔNG	109.950	110.050	109.550	109.550	108.150	109.450	-1.110
Gia Nghĩa	110.000	110.100	109.600	109.600	108.200	109.500	-1.100
Đắk R'lấp	109.900	110.000	109.500	109.500	108.100	109.400	-1.120
GIA LAI	109.633	109.733	109.233	109.233	108.033	109.173	-1.253
Chư Prông	109.700	109.800	109.300	109.300	108.100	109.240	-1.240
Pleiku	109.600	109.700	109.200	109.200	108.000	109.140	-1.260
La Grai	109.600	109.700	109.200	109.200	108.000	109.140	-1.260
KON TUM	109.700	109.800	109.300	109.300	108.100	109.240	-1.220
Đắk Hà	109.700	109.800	109.300	109.300	108.100	109.240	-1.220

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com



Bản tin được thực hiện bởi **AGROiNFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn